

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ  
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ  
TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN : NGUYỄN THANH HUYỀN**

**MÃ SINH VIÊN : A19572**

**CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI:**

**HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ  
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ  
TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

<b>Giáo viên hướng dẫn</b>	<b>: Th.S Đào Diệu Hằng</b>
<b>Sinh viên thực hiện</b>	<b>: Nguyễn Thanh Huyền</b>
<b>Mã sinh viên</b>	<b>: A19572</b>
<b>Chuyên ngành</b>	<b>: Kế toán</b>

**HÀ NỘI – 2014**

Thang Long University Library

## LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong khoa kinh tế - quản lý đã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình thực hiện, đặc biệt em xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc tới sự hướng dẫn tận tình, quan tâm của cô Đào Diệu Hằng, người đã trực tiếp hướng dẫn, góp ý và cung cấp những kiến thức bổ ích để giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của em một cách tốt nhất. Em xin chân thành cảm ơn ban giám đốc và các anh chị ở phòng kế toán tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm đã giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện cho em tìm kiếm và thu thập tài liệu để nghiên cứu, tổng hợp kiến thức và hoàn thành bài khóa luận với đề tài “***Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Unicommm***”.

Với sự cố gắng và mong muốn hoàn thành tốt bài khóa luận tốt nghiệp nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn, bài viết không thể tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

*Hà Nội ngày 15 tháng 10 năm 2014*

Sinh viên

Nguyễn Thanh Huyền

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này !

Sinh viên

*(Chữ ký)*

Nguyễn Thanh Huyền

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ .....</b>	<b>1</b>
<b>1.1. Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp dịch vụ.....</b>	<b>1</b>
1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ .....	1
1.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp dịch vụ .....	1
1.1.3. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp dịch vụ .....	2
1.1.3.1. Khái niệm về chi phí sản xuất (CPSX).....	2
1.1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất.....	2
1.1.4. Khái niệm về giá thành sản phẩm.....	4
1.1.5. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	5
<b>1.2. Nội dung kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp dịch vụ.....</b>	<b>6</b>
1.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng.....	6
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng .....	6
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	6
1.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên .....	7
1.2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	7
1.2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp .....	8
1.2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung .....	8
1.2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất .....	9
1.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	10
<b>1.3. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.....</b>	<b>10</b>
<b>1.4. Nội dung công tác kế toán tính giá thành dịch vụ .....</b>	<b>11</b>
1.4.1. Đối tượng, kỳ tính giá thành và các phương pháp tính giá thành.....	11
1.4.1.1. Đối tượng tính giá thành.....	11
1.4.1.2. Phương pháp tính giá trong doanh nghiệp dịch vụ.....	11
1.4.2. Thẻ tính giá thành sản phẩm.....	11

<b>1.5. Các hình thức ghi sổ sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ .....</b>	<b>12</b>
1.5.1. Hình thức sổ Nhật ký chung .....	12
1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái .....	13
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ .....	13
1.5.4. Hình thức kế toán trên máy tính .....	13
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM.....</b>	<b>14</b>
<b>2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm</b>	<b>14</b>
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển .....	14
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty .....	15
2.1.3. Đặc điểm quy trình thực hiện dịch vụ .....	16
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	17
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Truyền thông Unicommm .....	18
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán. ....	18
2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	19
<b>2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất dịch vụ tổ chức sự kiện tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm.....</b>	<b>20</b>
2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	20
2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.....	23
2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	28
2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất .....	31
<b>2.3. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm .....</b>	<b>39</b>
<b>2.4. Thực trạng công tác tính giá thành dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm.....</b>	<b>39</b>
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG UNICOMM.....</b>	<b>40</b>

<b>3.1. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm.....</b>	<b>40</b>
3.1.1. Ưu điểm .....	40
3.1.2. Những hạn chế cần khắc phục .....	40
<b>3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm .....</b>	<b>41</b>
3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ .....	41
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ.....	41
3.2.2.1. Hoàn thiện phải tuân theo quy định của pháp luật .....	42
3.2.2.2. Hoàn thiện theo nguyên tắc nhất quán .....	42
3.2.2.3. Hoàn thiện phải tuân theo nguyên tắc phù hợp .....	42
3.2.2.4. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp .....	43
3.2.2.5. Một số nguyên tắc khác.....	43
<b>3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm.....</b>	<b>43</b>
3.3.1. Kiến nghị về tập hợp chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty cho từng vụ việc cụ thể.....	43

## **DANH MỤC VIẾT TẮT**

BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
CCDC	Công cụ dụng cụ
CP	Chi phí
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVL	Nguyên vật liệu
TK	Tài khoản
TSCĐ	Tài sản cố định
QĐ	Quyết định
SP	Sản phẩm
SPDD	Sản phẩm dở dang
SXC	Sản xuất chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
SXKDDD	Sản xuất kinh doanh dở dang



## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Biểu số 2.1 Hóa đơn giá trị gia tăng tiền mua nguyên vật liệu .....	21
Biểu số 2.2: Trích sổ chi tiết tài khoản 154 - Phần CP NVL trực tiếp.....	22
Biểu số 2.3 Trích hợp đồng dịch vụ số 022003 – Thuê ca sỹ biểu diễn sự kiện “Giờ Trái đất –2014” .....	24
Biểu số 2.4 Giấy báo Nợ của ngân hàng về thanh toán chi phí nhân công thuê ngoài sự kiện “Giờ Trái đất – 2014” .....	26
Biểu số 2.5 Trích sổ chi tiết TK 154 - Phần chi phí nhân công thuê ngoài.....	27
Biểu số 2.6 Hóa đơn giá trị gia tăng các hạng mục sân khấu.....	28
Biểu số 2.7 Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện .....	29
Biểu số 2.8 Trích sổ chi tiết TK 154 – Phần chi phí sản xuất chung .....	30
Biểu số 2.9 Sổ chi tiết tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.....	31
Biểu số 2.10 Trích sổ cái tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang .....	34
Biểu số 2.11 Sổ chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.....	35
Biểu số 2.12 Sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán .....	36
Biểu số 2.13 Trích Sổ Nhật ký chung.....	37
Biểu số 2.14 Thẻ tính giá thành sự kiện “Giờ Trái đất” .....	39
Biểu số 3.1 Bảng thanh toán lương tháng 03/2014 .....	45
Biểu số 3.2 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội .....	46
Biểu số 3.3 Sổ chi tiết TK 154 – Chi phí nhân công trực tiếp .....	47
Biểu số 3.4 Sổ chi tiết TK 154 – Tổng hợp chi phí SXKD vụ việc Giờ Trái Đất.....	47
Biểu số 3.5 Trích sổ cái TK 154 – Chi phí SXKDDD vụ việc Giờ Trái Đất.....	50
Biểu số 3.6 Thẻ tính giá thành vụ việc Giờ Trái Đất .....	51
Sơ đồ 1.1 Kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp.....	7
Sơ đồ 1.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp .....	8
Sơ đồ 1.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung .....	9
Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp CPSX theo phương pháp KKTX.....	9
Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp CPSX theo phương pháp KKĐK .....	10
Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Unicommm .....	17
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Unicommm .....	19

## LỜI MỞ ĐẦU

Quá trình sản xuất và kinh doanh trong bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng là một quá trình kết hợp và tiêu hao các yếu tố sản xuất để thu được sản phẩm. Tổng hợp toàn bộ các hao phí mà doanh nghiệp bỏ ra liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tạo nên chi tiêu chi phí sản xuất. Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp phụ thuộc vào doanh nghiệp đảm bảo kinh doanh có lãi hay không. Vì vậy, việc hạch toán đầy đủ chính xác chi phí sản xuất và giá thành của sản phẩm là việc làm cấp thiết, khách quan và có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Mặt khác, xét trên góc độ vĩ mô, quy trình tổ chức sự kiện ở Việt Nam còn chưa thực sự phát triển, nên các yếu tố sản xuất còn hạn chế. Do vậy, tiết kiệm chi phí sản xuất đang là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công ty Unicommm cũng như các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Nhận thấy rằng, nhiệm vụ cơ bản của kế toán không chỉ là những hạch toán đầy đủ chi phí mà còn làm thế nào kiểm soát chặt chẽ được việc thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất phục vụ tốt cho việc hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng nhu cầu cạnh tranh và chế độ kế toán, đồng thời cung cấp thông tin hữu ích, kịp thời cho việc ra quyết định của lãnh đạo. Để giải quyết vấn đề đó cần phải hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công việc này không những mang ý nghĩa về mặt lý luận mà còn mang ý nghĩa thực tiễn to lớn, cấp bách trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tại doanh nghiệp.

Hiểu được tầm quan trọng của vấn đề, trong thời gian thực tập, tìm hiểu, em đã mạnh dạn chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: ***“Hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Unicommm”***

Khóa luận tốt nghiệp ngoài lời mở đầu, danh mục bảng, biểu, sơ đồ, được chia làm 3 chương:

**Chương 1: Lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp dịch vụ**

**Chương 2: Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm**

**Chương 3: Một số ý kiến hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm**

# **CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ**

## **1.1. Khái quát chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp dịch vụ**

### ***1.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ***

Thương mại dịch vụ được hiểu là hoạt động sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng nhằm hướng tới mục tiêu lợi nhuận. Dịch vụ có tính vô hình, không cầm nắm được, không thử trước được mà chỉ khi dùng mới có thể đánh giá được chất lượng. Quan trọng hơn, dịch vụ không có tính chất tồn kho, vì vậy nhà sản xuất cần tiêu thụ được càng nhiều dịch vụ càng tốt.

Dịch vụ là ngành kinh tế có đặc điểm riêng, khác biệt so với các ngành sản xuất vật chất thông thường. Những điểm đặc thù của ngành kinh doanh dịch vụ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh dịch vụ nói riêng. Diễn hình như:

- Kết quả hoạt động cung cấp dịch vụ thuần túy thường không có hình thái hiện vật cụ thể mà được thể hiện bằng lợi ích cho khách hàng thông qua việc thỏa mãn nhu cầu của khách hàng như: nhu cầu thông tin, nhu cầu quảng cáo, truyền bá văn hóa, hình ảnh...

- Ngoài ra, hoạt động kinh doanh dịch vụ còn rất đa dạng về hình thức thực hiện: ngành du lịch có du lịch theo tour, du lịch trong nước, ngoài nước; ngành truyền thông có tổ chức sự kiện, đặt lịch quảng cáo, sáng tạo thương hiệu, sản xuất phim tự giới thiệu...

Vì vậy, đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp dịch vụ cũng sẽ khác biệt so với các loại hình doanh nghiệp còn lại. Tuy nhiên, tất cả đều hướng tới sự chuẩn xác, tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa chi phí sản xuất.

### ***1.1.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp dịch vụ***

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, yếu tố quan trọng được đặt lên hàng đầu mà nhà sản xuất nào cũng quan tâm đó chính là chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kế toán tổng hợp, phản ánh chất lượng, hoạt động sản xuất, kết quả sử dụng các tài sản vật tư, nhân công, tiền vốn...trong quá trình sản xuất, cũng như các giải pháp chuyên môn nhằm tăng số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Có thể nói, chi phí và giá thành có quan hệ mật thiết đối với công

việc kinh doanh, chi phí tiết kiệm thì giá thành mới được hạ thấp và qua đó tăng sức cạnh tranh cho doanh nghiệp trong thị trường. Ngoài ra còn giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh hơn, tạo lợi nhuận và mang lại sự phát triển bền vững. Chính vì những lý do đó, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành là một phần hành kế toán không thể thiếu trong tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp.

### ***1.1.3. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp dịch vụ***

#### ***1.1.3.1. Khái niệm về chi phí sản xuất (CPSX)***

Bản chất của chi phí sản xuất là những biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

Thực chất chi phí là sự dịch chuyển vốn – chuyển dịch giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ).

Nội dung của chi phí sản xuất: CPSX bao gồm những yếu tố lao động sống cần thiết (tiền lương, tiền công...), lao động vật hóa (khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu,...) và bao gồm các khoản khác (Bảo hiểm y tế, xã hội, các loại thuế phải nộp...).

#### ***1.1.3.2. Phân loại chi phí sản xuất***

Việc phân loại chi phí được doanh nghiệp áp dụng tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh, quản lý và trình độ nghiệp vụ của mình sao cho hợp lý. Do đó phân loại chi phí sản xuất chính là việc sắp xếp chi phí sản xuất vào từng loại, từng nhóm khác nhau theo những đặc tính nhất định.

- Phân loại theo yếu tố chi phí:

+ Yếu tố chi phí nguyên liệu, vật liệu: bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, công cụ dụng cụ... sử dụng vào sản xuất kinh doanh (loại trừ giá trị dùng không hết nhập lại kho và phế liệu thu hồi).

+ Yếu tố chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương: bao gồm toàn bộ chi phí trả cho người lao động (thường xuyên hay tạm thời) về tiền lương, tiền công các khoản phụ cấp, trợ cấp có tính chất lương, tiền ăn giữa ca và các khoản trích theo lương, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội trong kỳ báo cáo.

+ Yếu tố chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp dùng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

+ Yếu tố chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm các chi phí gắn liền với các dịch vụ mua từ bên ngoài cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp như giá dịch vụ điện nước, bảo hiểm tài sản nhà cửa, phương tiện, quảng cáo... Các chi phí loại này giúp nhà quản trị hiểu rõ hơn tổng mức dịch vụ liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để thiết lập quan hệ trao đổi, cung ứng với các đơn vị dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Yếu tố chi phí khác bằng tiền: bao gồm tất cả các chi phí sản xuất kinh doanh khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên mà doanh nghiệp thường phải thanh toán trực tiếp trong kỳ kế toán. Yếu tố này phần lớn là các dòng tiền mặt chi tiêu nhỏ tại doanh nghiệp. Vì vậy, việc nắm vững yếu tố chi phí khác bằng tiền sẽ giúp các nhà quản trị hoạch định được ngân sách tiền mặt chi tiêu, hạn chế những tồn đọng tiền mặt, tránh bớt những tổn thất, thiệt hại trong quản lý vốn bằng tiền.

Việc phân loại sản phẩm sản xuất theo yếu tố chi phí cho biết kết cấu, tỷ trọng từng yếu tố sản xuất để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán, là cơ sở để lập kế hoạch: cung ứng vật tư, quỹ tiền lương, vốn để giúp cho việc thực hiện công tác kế toán cũng như công tác quản lý chi phí sản xuất một cách nhanh chóng và chính xác.

- Phân loại theo khoản mục chi phí:

+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: bao gồm chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ sử dụng trực tiếp hoạt động sản xuất sản phẩm, dịch vụ.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất sản phẩm dịch vụ như: lương các khoản phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca và các khoản trích theo lương (BHYT, BHXH...).

+ Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí sản xuất liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất trong phạm vi các đội sản xuất, chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố chi phí sản xuất sau: Chi phí nhân viên đội sản xuất bao gồm chi phí tiền lương, các khoản phải trả, các khoản trích theo lương của nhân viên đội sản xuất; Chi phí vật liệu: bao gồm chi phí vật liệu dùng chung cho sản xuất với mục đích là phục vụ quản lý sản xuất. Chi phí dụng cụ: bao gồm về chi phí CCDC ở đội SX để phục vụ sản xuất và quản lý sản xuất; Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao của TSCĐ thuộc các đội sản xuất quản lý sử dụng; Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý sản xuất của đội sản xuất; Chi phí khác bằng tiền: là các khoản trực tiếp bằng tiền dùng cho việc phục vụ và quản lý và sản xuất ở đội sản xuất.

+ Chi phí bán hàng: là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ dịch vụ, loại chi phí này có: chi phí quảng cáo, giao dịch, hoa hồng bán hàng, chi phí nhân viên bán hàng và chi phí khác gắn liền đến bảo quản và tiêu thụ dịch vụ...

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí liên quan đến việc phục vụ và quản lý sản xuất kinh doanh có tính chất chung của toàn doanh nghiệp. Bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng chung toàn bộ doanh nghiệp, các loại thuế, phí có tính chất chi phí, chi phí tiếp khách, hội nghị.

- Phân loại theo mối quan hệ chi phí và khối lượng công việc:

+ Chi phí cố định (chi phí bất biến): là loại chi phí mà tổng số không thay đổi khi có sự thay đổi về khối lượng hoạt động;

+ Chi phí biến đổi (chi phí khả biến, biến phí): là các chi phí thay đổi về tổng số tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động;

+ Chi phí hỗn hợp là chi phí mà nó bao gồm cả định phí và biến phí.

Ngoài các cách phân loại trên CPSX còn có một số tiêu thức phân loại khác như: phân loại chi phí theo mối quan hệ và đối tượng chịu chi phí, theo lĩnh vực hoạt động...

#### ***1.1.4. Khái niệm về giá thành sản phẩm***

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Chi phí và giá thành là hai mặt khác nhau của quá trình sản xuất. CPSX phản ánh mặt hao phí sản xuất còn giá thành phản ánh mặt kết quả sản xuất.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra bất kể ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ này.

Có nhiều chỉ tiêu để phân loại giá thành, dưới đây là một số tiêu thức điển hình:

- Phân loại giá thành theo thời gian và cơ sở số liệu tính giá thành:

+ Giá thành kế hoạch: được xác định trước khi sản xuất kinh doanh, là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp;



+ Giá thành định mức: được xác định trước khi tiến hành sản xuất kinh doanh, là giá thành kế hoạch được tính trên cơ sở định mức chi phí hiện hành, được tính cho một đơn vị sản phẩm và luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí;

+ Giá thành thực tế: được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất kinh doanh, dựa trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ;

- Phân loại giá thành theo phạm vi phát sinh chi phí:

+ Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp;

Chi phí nhân công trực tiếp;

Chi phí sản xuất chung.

+ Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ): là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & & & & & \\ \text{sản phẩm} & = & \text{Giá thành sản} & + & \text{Chi phí bán} & + & \text{Chi phí quản lý} \\ & & \text{xuất sản phẩm} & & \text{hàng} & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

#### 1.1.5. *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm :

CPSX dở dang đầu kỳ	CPSX phát sinh trong kỳ
Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành	CPSX dở dang cuối kỳ

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành sản} & & & & & & \\ \text{phẩm hoàn thành} & = & \text{CPSX dở} & + & \text{CPSX phát sinh} & - & \text{CPSX dở dang} \\ & & \text{dang đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Ở đây, có thể hiểu, chi phí sản xuất gắn với từng thời kỳ phát sinh chi phí còn giá thành gắn với khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

Chi phí trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm đã hoàn thành mà còn liên quan đến cả sản phẩm đang làm dở cuối kỳ và sản phẩm hỏng, còn giá thành thì lại liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang của kỳ trước chuyển sang.

## 1.2. Nội dung kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp dịch vụ

### 1.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

#### 1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho;
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ;
- Hóa đơn bán hàng của người bán;
- Bảng thanh toán tiền lương;
- Bảng phân bổ lương và BHXH;
- Bảng tính và phân bổ khấu hao;
- Phiếu chi;
- Giấy báo Nợ của ngân hàng; ...

#### 1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
  - + Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, phản ánh khối lượng dịch vụ hoàn thành trong kỳ và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ và cuối kỳ của các hoạt động kinh doanh.
  - + Kết cấu tài khoản:

#### TK 154

- Các chi phí NVL trực tiếp, NC trực tiếp, SXC phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ	- Giá thành thực hiện thực tế của dịch vụ, sản phẩm đã chuyển đi bán. - Trị giá phế liệu thu hồi
<u>Số dư nợ:</u> CPSX kinh doanh dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	

- Tài khoản TK 631 – Giá thành sản xuất
  - + TK 631 “Giá thành sản xuất” được hạch toán chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (bộ phận sản xuất) và theo loại, nhóm dịch vụ, chi tiết dịch vụ... tương tự TK 154
  - + Kết cấu tài khoản:

#### TK 631

Giá trị SPDD đầu kỳ	Kết chuyển giá trị SPDD cuối kỳ
Các CPSX phát sinh trong kỳ liên quan tới thực hiện dịch vụ	Tổng giá thành dịch vụ hoàn thành



Tài khoản TK 631 không có số dư cuối kỳ

- Ngoài ra, để kế toán tập hợp chi phí sản xuất, trong doanh nghiệp dịch vụ còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 111, TK 112, TK 331, TK 152...

### 1.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên liên tục có hệ thống tình hình Nhập - Xuất - Tồn kho hàng tồn kho trên sổ kế toán.

#### 1.2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

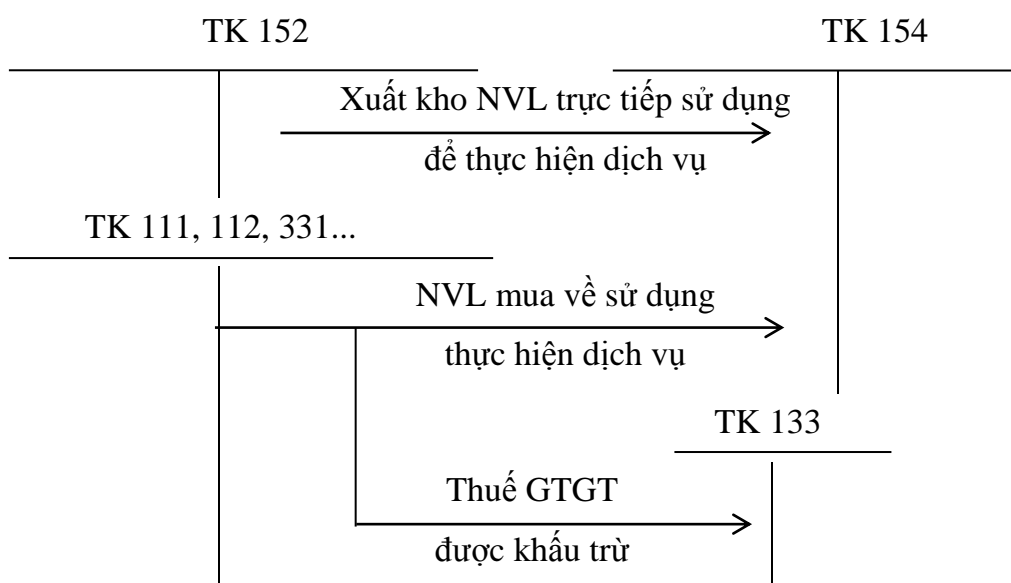
Chi phí NVL trực tiếp là những chi phí về NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... được xuất dùng trực tiếp cho việc thực hiện dịch vụ.

Nếu NVL xuất dùng có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt (phân xưởng, bộ phận sản xuất hoặc sản phẩm, loại sản phẩm, dịch vụ...) thì kế toán tập hợp trực tiếp cho đối tượng đó.

Nếu NVL xuất dùng có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì phải phân bổ theo tiêu thức phù hợp: khối lượng dịch vụ thực hiện, số lượng dịch vụ, định mức tiêu hao... Công thức phân bổ như sau:

$$\text{Chi phí NVL phân bổ trực tiếp cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng chi phí NVL trực tiếp cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}}$$

#### Sơ đồ 1.1 Kế toán tập hợp chi phí NVL trực tiếp

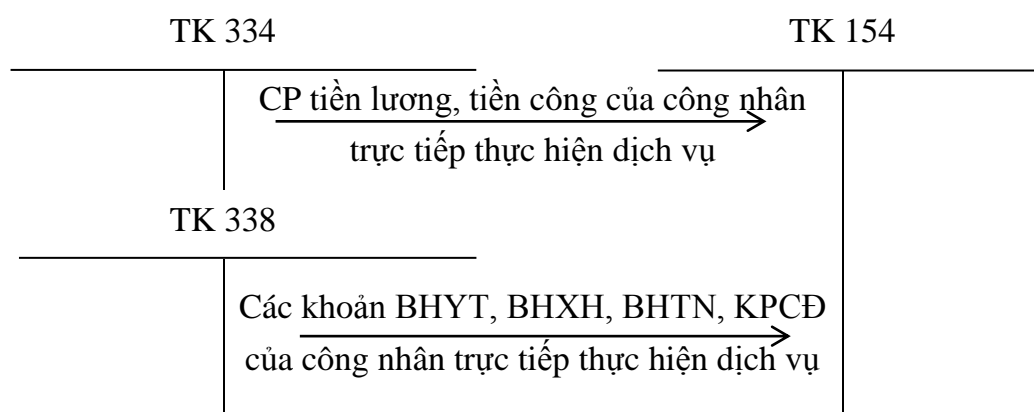


#### 1.2.2.2. *Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp*

- Chi phí nhân công trực tiếp gồm:

- + Tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương.
- + Các khoản đóng góp cho các quỹ BHYT, BHXH, BHTN, KPCĐ do chủ sử dụng lao động chịu và được tính vào chi phí SXKD theo tỷ lệ quy định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp thực hiện dịch vụ.

*Sơ đồ 1.2 Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp*

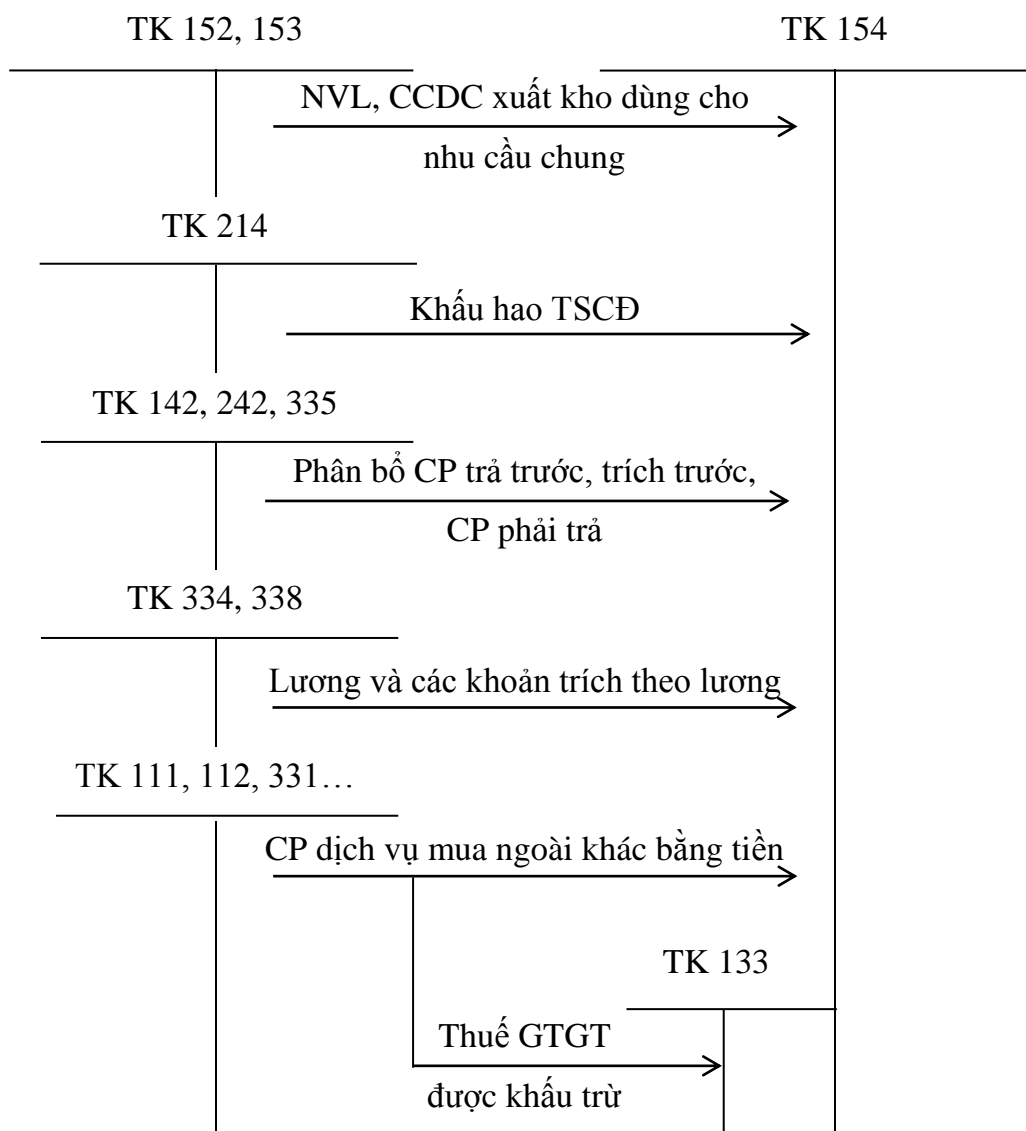


#### 1.2.2.3. *Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung*

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để thực hiện dịch vụ sau chi phí NVL trực tiếp và chi phí NC trực tiếp.

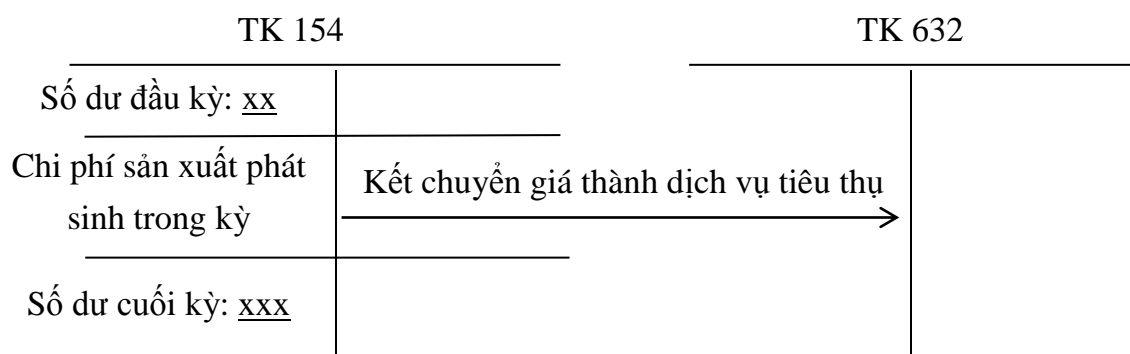
Trường hợp CP SXC có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ, nên cần thiết phải phân bổ cho từng đối tượng (sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương, công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất...)

### Sơ đồ 1.3 Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung



#### 1.2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

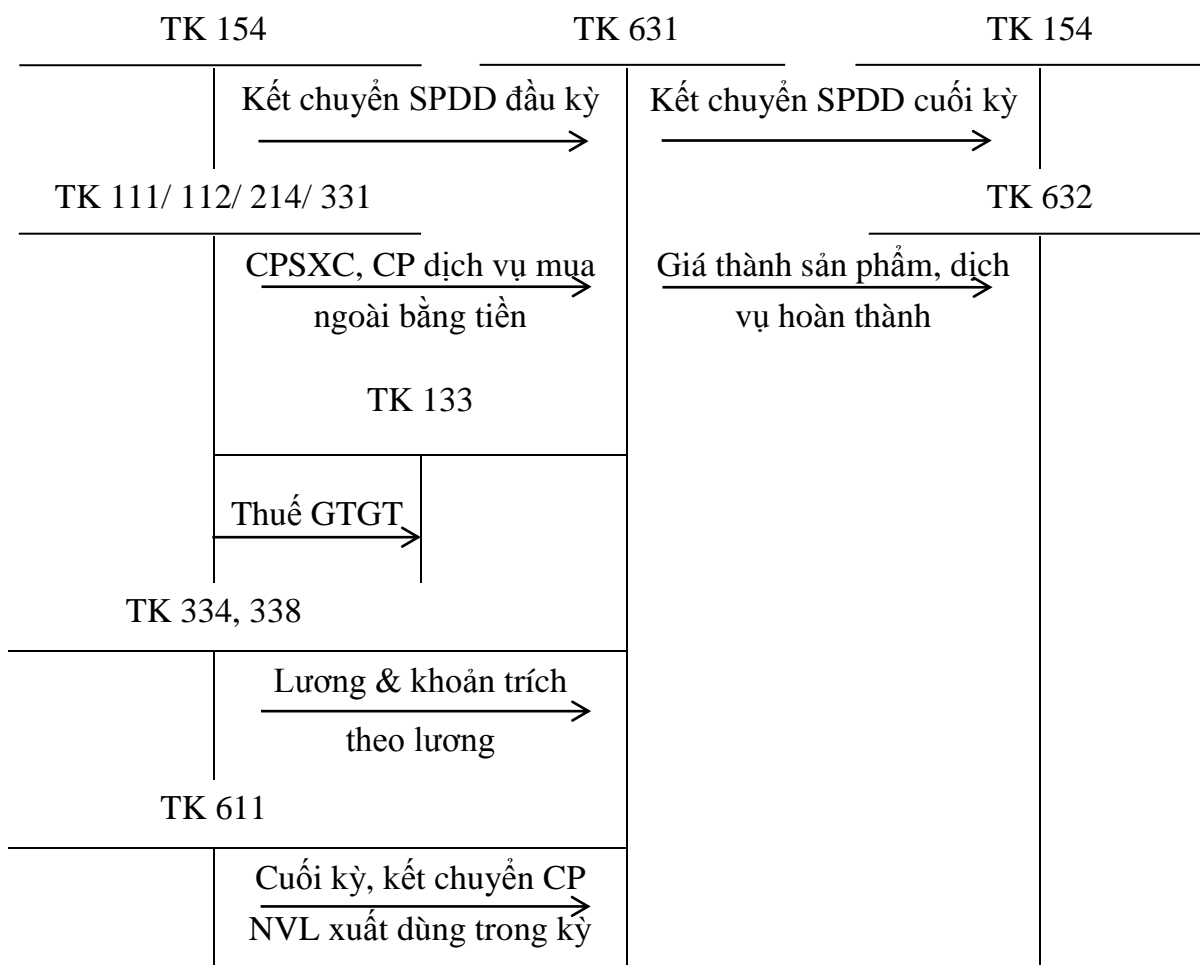
##### Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp CPSX theo phương pháp KKTX



### 1.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại đơn vị kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư, dịch vụ đã xuất trong kỳ.

Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp CPSX theo phương pháp KKĐK



### 1.3. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm, dịch vụ chưa kết thúc giai đoạn thực hiện còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành dịch vụ, doanh nghiệp cần kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.

Trong doanh nghiệp dịch vụ, sản phẩm dở dang chỉ được xác định vào cuối kỳ. Giá trị sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp dịch vụ bao gồm tổng chi phí sản xuất thực tế phát sinh tính đến thời điểm cuối kỳ.

#### 1.4. Nội dung công tác kế toán tính giá thành dịch vụ

##### 1.4.1. Đối tượng, kỳ tính giá thành và các phương pháp tính giá thành

###### 1.4.1.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là toàn bộ các loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ doanh nghiệp sản xuất chế tạo và thực hiện cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc cần thiết đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm của kế toán. Bộ phận kế toán tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình thực hiện dịch vụ, tính chất dịch vụ, sản phẩm để xác định được đối tượng cần tính giá và tính ra giá thành của dịch vụ.

Kỳ tính giá thành là khoảng thời gian cần thiết phải tiến hành tập hợp, tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành. Tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế, kỹ thuật thực hiện dịch vụ và nhu cầu thông tin giá thành, kỳ tính giá thành được các doanh nghiệp xác định khác nhau. Trong mô hình kế toán, chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế, kỳ tính giá thành được chọn trùng với kỳ kế toán như tháng, quý, năm.

###### 1.4.1.2. Phương pháp tính giá trong doanh nghiệp dịch vụ

Phương pháp tính giá thành trực tiếp (phương pháp giản đơn)

Tổng giá thành dịch vụ hoàn thành = Giá trị dịch vụ dở dang đầu kỳ + CPSX thực tế phát sinh trong kỳ - Giá trị dịch vụ dở dang cuối kỳ

##### 1.4.2. Thẻ tính giá thành sản phẩm

Đơn vị:...

Mẫu số S19-DN

Địa chỉ:...

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

#### THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Tháng...năm...

Tên sản phẩm, dịch vụ:...

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục			
		NVL	...	...	...
A	1	2	3	4	5
1. Chi phí SX dở dang đầu kỳ					
2. Chi phí SX phát sinh trong kỳ					
3. Giá thành sản phẩm, dịch vụ trong kỳ					
4. Chi phí SX dở dang cuối kỳ					

Ngày...tháng...năm...

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

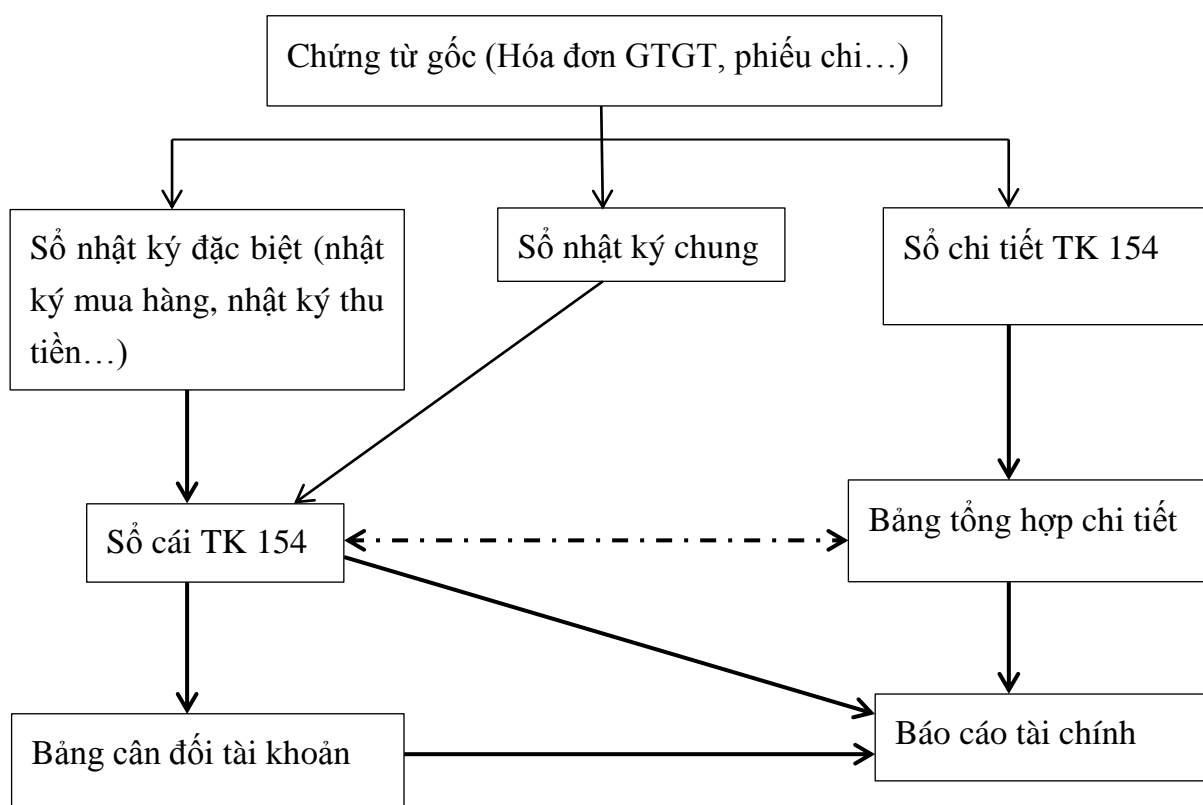
(ký, họ tên)

## 1.5. Các hình thức ghi sổ sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ

### 1.5.1. Hình thức sổ Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức sổ Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản nghiệp vụ, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



#### Chú thích:

- > Ghi hằng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- ◀ - - - - - > Đối chiếu, kiểm tra

Áp dụng cho các loại hình doanh nghiệp đơn giản, quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, trình tự kế toán thấp, số lao động kế toán ít, nên áp dụng kế toán máy thì phù hợp với loại hình hoạt động và quy mô hoạt động.

- Ưu điểm: Dễ ghi, dễ đối chiếu.
- Nhược điểm: Dễ ghi trùng lặp.

### **1.5.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái**

Theo hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào một quyển gọi là Nhật ký – Sổ cái. Sổ này là sổ hạch toán tổng hợp duy nhất, trong đó kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống

Áp dụng cho các loại hình kinh doanh đơn giản, quy mô nhỏ, tập trung, đơn vị có ít nghiệp vụ phát sinh, sử dụng ít tài khoản.

- Ưu điểm: Dễ ghi, dễ đối chiếu, số lượng lao động kế toán ít.
- Nhược điểm: Dễ trùng lặp, kích thước sổ công kênh, khó phân công lao động, không phù hợp doanh nghiệp có quy mô lớn.

### **1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ**

Hình thức này áp dụng với mọi loại hình đơn vị, thuận tiện cho việc kế toán máy và kế toán thủ công.

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ dễ ghi, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra.
- Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp nhiều.

### **1.5.4. Hình thức kế toán trên máy tính**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Hình thức này giúp giảm tải công việc cho nhân viên kế toán, giảm bớt số lượng sổ sách kế toán, hạn chế sai sót trong quá trình ghi chép số liệu. Tuy nhiên, do không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nên khi có sai sót, kế toán khó có thể phát hiện được ngay mà phải đến cuối kỳ mới phát hiện được

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm được chính thức thành lập vào năm 2008 và sử dụng tên giao dịch này cho tới hiện nay.

- Địa chỉ: D34 – Lô 12 – khu đô thị Định Công – Hoàng Mai – Hà Nội
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 ( Mười tỷ Việt Nam đồng).
- Mã số thuế: 01 02 98 28 52
- Website: [www.unicomm.com.vn](http://www.unicomm.com.vn)
- Quy mô công ty: 30 người.

- Lĩnh vực hoạt động: Unicommm là công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực truyền thông – quảng cáo, với những dịch vụ như: Sản xuất TVC, phim giới thiệu doanh nghiệp, tổ chức sự kiện chính trị, sự kiện thương mại, xây dựng và quản trị thương hiệu, sản xuất chương trình, thực hiện tài trợ phát thanh truyền hình. Đây là một lĩnh vực đang rất thu hút khách hàng, mang lại tiềm năng phát triển cho công ty.

Công ty Unicommm là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Từ một công ty tư nhân với số lượng nhân viên 6 người, cho tới nay, Unicommm đã và đang khẳng định sự phát triển của mình trong giới truyền thông. Dịch vụ ban đầu của công ty là sáng tạo, nhận diện thương hiệu, tổ chức sự kiện, sau 6 năm hoạt động, chất lượng dịch vụ đã không ngừng được mở rộng và nâng cao. Công ty đã tổ chức một số sự kiện lớn của Bộ Công thương và Tổng công ty Điện lực miền Bắc như: Hội thảo “Khách hàng sử dụng năng lượng trọng điểm – 2014” ...Cùng với đó là hàng loạt các chương trình thực tế như: Cuộc sống tươi đẹp; thực hiện tài trợ quảng cáo cho Tôn Hoa Sen trong chương trình “Chiều cuối năm”, “Tập chí kinh tế cuối tuần”...Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu cho nhiều thương hiệu lớn như: Nam Dược, CAG, Cao su Sao Vàng..., làm phim tự giới thiệu cho nhãn hiệu: Gelex...

Cùng với sự đi lên của cơ chế thị trường, các doanh nghiệp ngày càng phát triển để hòa nhập cùng thế giới và nâng cao tầm vóc của mình. Chính vì vậy, việc quảng bá cũng như truyền thông về hình ảnh thương hiệu đang là điều được các nhà lãnh đạo quan tâm. Unicommm với các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực, cùng đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, nhiều kinh nghiệm làm việc trong các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia với môi trường văn minh, mang tính cạnh tranh cao và là những con người hiện đại nắm bắt được tình hình nhu cầu khách hàng, đưa ra



mức giá thành cạnh tranh, đã đem đến cho các doanh nghiệp chất lượng thực hiện dịch vụ một cách tốt nhất.

Trong năm 2014, công ty đã, đang và chuẩn bị thực hiện một số hợp đồng lớn đã ký cùng nhiều đối tác với giá trị lớn: Sự kiện giờ Trái Đất (tháng 3/2014); hội thảo “Khách hàng sử dụng năng lượng trọng điểm”; Chương trình “Ngày hội hướng nghiệp 2014”, chương trình “Ngày hội hành động xanh”... Điều đó khẳng định từng bước phát triển mạnh mẽ của công ty.

### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty**

Unicomm là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ truyền thông, với những dịch vụ chủ yếu như sau:

- Sản xuất TVC, phim giới thiệu doanh nghiệp: Phim quảng cáo hay TVC là dạng phim ngắn có thời lượng: 15s, 20s, 30s, 1 phút. Tuy thời gian ngắn nhưng phim quảng cáo chứa đựng đầy đủ thông điệp về sản phẩm dịch vụ tới khách hàng mục tiêu. Ngày nay phim quảng cáo chỉ bó hẹp ở trên các kênh sóng truyền hình mà chúng ta còn thấy TVC tại nhiều địa điểm khác như: siêu thị, nhà hàng, các điểm vui chơi giải trí ....

- Tổ chức sự kiện: Những sự kiện dù lớn hay nhỏ được kết hợp giữa ý tưởng sáng tạo và được tổ chức chuyên nghiệp cũng mang lại những giá trị lớn về hình ảnh thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp hoặc truyền tải thông điệp của sản phẩm tới khách hàng.

- Xây dựng và Quản trị thương hiệu:

- + Thiết kế logo, đặt tên thương hiệu, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, phân tích cấu trúc và hệ thống thuật ngữ trên cơ sở các giá trị Văn hóa Doanh nghiệp và Cộng đồng.

- + Xây dựng chiến lược quản trị Thương hiệu, lập phương án cơ cấu quản lý thương hiệu, phân cấp, phân quyền trong hoạt động quản lý thương hiệu.

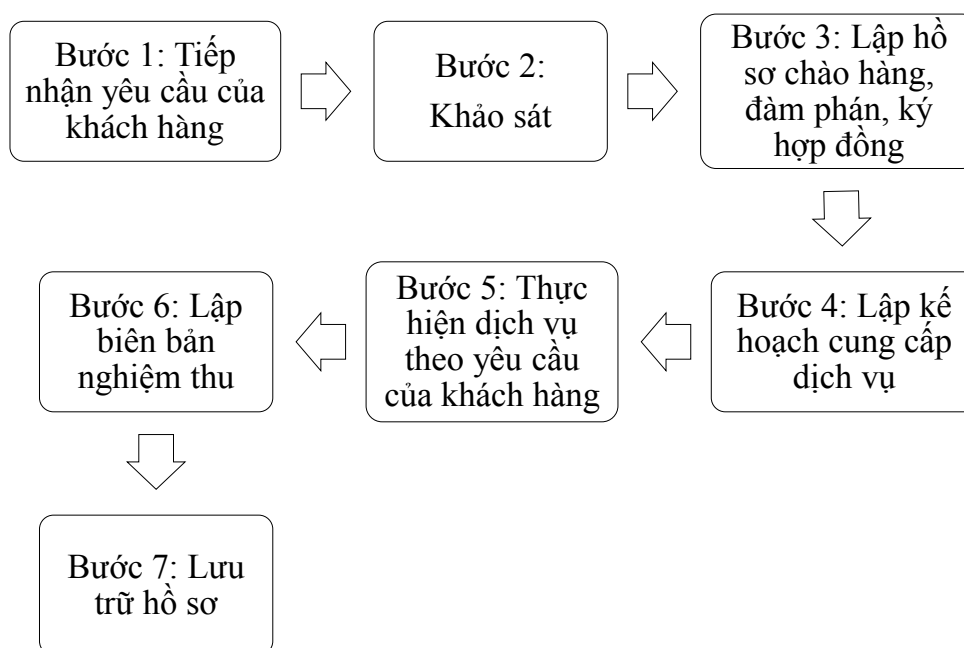
- + Xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu, hình ảnh, logo, lập và trình bày các ý tưởng sáng tạo trong quảng bá để đảm bảo tính khả thi cao nhất.

Ngoài ra Unicomm còn nhận làm các dịch vụ liên quan đến truyền thông quảng cáo theo yêu cầu riêng của khách hàng.

Với mục đích phát triển dịch vụ rộng khắp đất nước, công ty luôn hướng tâm nhìn cũng như đặt sứ mệnh là tạo được sự khác biệt cho khách hàng, đảm bảo sự chuyên nghiệp và chất lượng cũng như giá thành tốt nhất cho khách hàng.

### 2.1.3. Đặc điểm quy trình thực hiện dịch vụ

Quy trình cung cấp dịch vụ:



(Nguồn: Phòng Khách hàng)

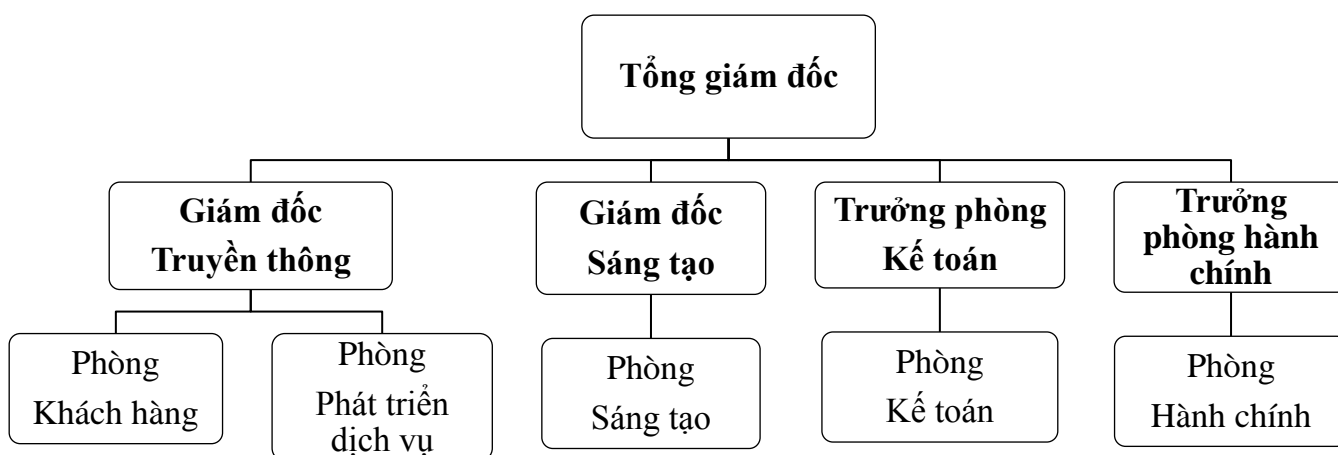
- Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng: Nhân viên công ty trực tiếp tìm kiếm khách hàng qua điện thoại, email... tìm hiểu yêu cầu của khách hàng để xây dựng dịch vụ.
- Khảo sát: Sau khi nhận được đơn đặt hàng của khách, công ty sẽ có nhân viên khảo sát về tình trạng hoạt động truyền thông, thương hiệu của khách hàng thời gian trước đó để lên kế hoạch thực hiện cụ thể.
- Lập hồ sơ chào hàng, ký kết hợp đồng: trải qua hai bước tìm hiểu trên, công ty đã lập được hồ sơ chào hàng, thể hiện khái quát hạng mục sẽ thực hiện, báo giá thành chi tiết dịch vụ. Qua đó, hai bên sẽ ký kết hợp đồng.
- Lập kế hoạch cung cấp dịch vụ: Giám đốc và các phòng dịch vụ có liên quan sẽ họp, thống nhất về cách thực hiện dịch vụ, xử lý các hạng mục, lập kế hoạch chi tiết về hợp đồng sẽ thực hiện.
- Tổ chức dịch vụ: Với mảng thương hiệu, thì bộ phận sáng tạo sẽ thiết kế các mẫu theo yêu cầu, thống nhất ý kiến cùng khách hàng để có được sản phẩm tốt nhất. Với dịch vụ truyền thông, tổ chức sự kiện thì tập hợp các công đoạn có liên quan như sân khấu, phương tiện, con người để tổ chức như trong kịch bản.
- Cuối cùng sẽ là nghiệm thu sau khi dịch vụ được hoàn thành, tìm hiểu ý kiến khách hàng về chất lượng và tìm ra sai sót để khắc phục.

Có được một quy trình thực hiện dịch vụ chuẩn xác, chuyên nghiệp đã giúp công ty có được chỗ đứng và chiếm được sự tin tưởng đối với khách hàng. Đây là điều rất quan trọng trong sự phát triển của công ty trong lâu dài.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty TNHH Truyền thông Unicommm là đơn vị quản lý theo hình thức tập trung, mọi hoạt động kinh doanh đều chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc và Ban lãnh đạo công ty, bộ máy quản lý của công ty bao gồm:

*Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty Unicommm*



*(Nguồn: Phòng Hành chính)*

- **Tổng giám đốc:** Là người đứng đầu lãnh đạo, có quyền quyết định mọi việc, điều hành quản lý, chỉ đạo mọi hoạt động của công ty theo đúng kế hoạch và yêu cầu kinh doanh, là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước, nhân viên, người lao động trong công ty về mọi mặt liên quan đến kinh doanh của công ty.

- **Giám đốc Truyền thông:** Là người quản lý lĩnh vực kinh doanh về Truyền thông của công ty, chuyên xử lý các hợp đồng liên quan đến dịch vụ tổ chức sự kiện, hội thảo, làm phim tự giới thiệu, tài trợ quảng cáo của các đối tượng khách hàng; đàm phán với khách hàng; trực tiếp quản lý phòng phát triển dịch vụ.

+ Phòng Khách hàng: quản lý dữ liệu về khách hàng, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, đàm phán, tư vấn về các dịch vụ của công ty, mang các dự án về cho phòng sáng tạo và phát triển dịch vụ thực hiện.

+ Phòng Phát triển dịch vụ: trực tiếp tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng về tổ chức sự kiện, hội thảo, lên kịch bản các chương trình thực tế, lên lịch, liên hệ, làm việc với Đài truyền hình về các hợp đồng tài trợ...

- **Giám đốc Sáng tạo:** quản lý chung bộ phận sáng tạo, cùng giám đốc truyền thông và tổng giám đốc điều hành công ty

+ Phòng sáng tạo: tạo ra các mẫu thiết kế về nhận diện thương hiệu, sáng tạo sân khấu chương trình, thiết kế mẫu tờ rơi, cầm nang, pa-nô, áp phích, standee quảng cáo...

- **Trưởng phòng Kế toán:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để từ đó ghi chép, tính toán số liệu, lập sổ sách kế toán, xác định kết quả kinh doanh một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và kịp thời; Quản lý việc thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của Công ty theo đúng nguyên tắc, quy định của Nhà nước và ban giám đốc của Công ty. Hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ, chứng từ... thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định. Tham mưu cho Giám đốc trong công tác quản lý tài chính, đề xuất các quyết định tài chính để lựa chọn phương thức hoạt động tối ưu nhất.

+ Phòng kế toán: có kế toán phụ trách tiền lương và kế toán tổng hợp, giúp kế toán trưởng thực hiện các nghiệp vụ kế toán phát sinh trong công ty.

- **Trưởng phòng hành chính tổng hợp:** quản lý các công việc chung của công ty như: công văn đến, đi, chuyển phát nhanh, nhân sự...

+ Phòng hành chính: nhân viên thực hiện các yêu cầu cụ thể của trưởng phòng hành chính như: soạn, gửi công văn, tiếp khách, chấm công cuối tháng, xem xét hồ sơ tuyển dụng, sắp xếp tài liệu tại công ty....

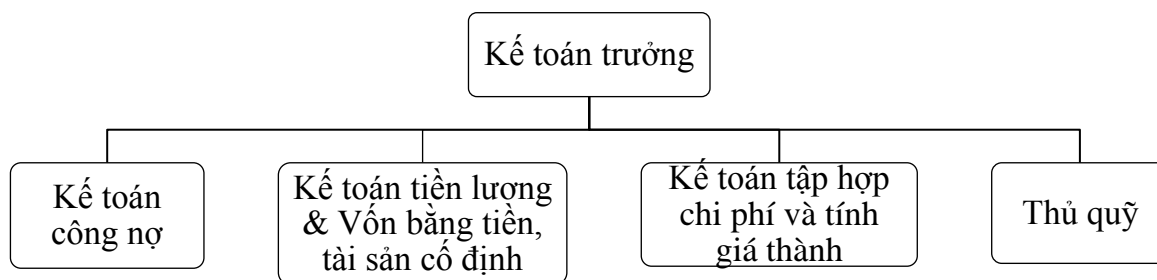
Mỗi phòng của công ty có nhiệm vụ, chức năng khác nhau song đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, cùng phục vụ cho việc quản lý, điều hành thực hiện dịch vụ của công ty, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong kinh doanh

### ***2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Truyền thông Unicomm***

#### ***2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.***

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và chế độ kế toán áp dụng, công tác kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng kế toán. Công tác kế toán của công ty được thực hiện đầy đủ các quy trình từ khâu lập chứng từ, ghi sổ, đến hệ thống báo cáo kế toán. Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Foxman, đây là hình thức tiên tiến giúp cho nhân viên kế toán của công ty thực hiện tốt các chức năng.

## Sơ đồ 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty Unicom



(Nguồn: Phòng Kế toán)

Phòng kế toán của công ty với các nhân viên tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học chuyên ngành kế toán được sắp xếp đúng người, đúng việc, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong đó:

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: là người đứng đầu chịu trách nhiệm chung toàn công ty, theo dõi, quản lý và điều hành công tác kế toán. Đồng thời tổng hợp số liệu để ghi vào phần mềm, qua đó in ra các sổ tổng hợp toàn công ty, lập báo cáo kế toán.
- Kế toán công nợ: theo dõi các tài khoản nợ phải thu, phải trả trong công ty và giữa công ty với khách hàng. Phụ trách TK 131, 141, 333, 336...ghi sổ kế toán cho từng đối tượng.
- Kế toán tiền lương, vốn bằng tiền, tài sản cố định:
  - + Quản lý các TK 334, 338, hàng tháng thông qua bảng chấm công từ phòng hành chính để lập bảng thanh toán lương, bảng phân bổ số 1.
  - + Quản lý các TK 211, 121, 213, 214...phân loại tài sản cố định hiện có của công ty, theo dõi tình hình tăng giảm khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành: Chịu trách nhiệm tập hợp các khoản mục chi phí và tính giá thành dịch vụ thực hiện.
- Thủ quỹ: quản lý tiền mặt của công ty, giao dịch bằng tiền trong và ngoài công ty, dựa vào chứng từ, giấy tờ hợp lý để chi, nhận tiền theo từng nghiệp vụ.

### 2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

- Chế độ kế toán áp dụng: Quyết định 48/2006/QĐ/BTC;
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung;
- Kỳ kế toán: Tháng;
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên;

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Nhập trước xuất trước;
- Phương pháp kế toán thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ;
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng;
- Đơn vị tiền tệ để ghi chép hạch toán kế toán: VNĐ – Việt Nam đồng;
- Nguyên tắc quy đổi ra đồng tiền: Theo tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất dịch vụ tổ chức sự kiện tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicom**

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí là khâu đầu tiên quan trọng trong việc tổ chức công tác kế toán CPSX ở công ty. Vì vậy, phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, đặc điểm công tác kế toán của công ty để xác định sao cho hợp lý và khoa học nhất.

Với quy trình thực hiện dịch vụ theo đơn đặt hàng, việc tổ chức thực hiện được tiến hành ở các phòng: phòng phát triển dịch vụ và phòng sáng tạo. Căn cứ vào đặc điểm trên, kế toán xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất dịch vụ tổ chức sự kiện là từng đơn đặt hàng hay chính là những hợp đồng dịch vụ được ký kết với khách hàng. Đối với những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng (chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung), kế toán căn cứ vào chứng từ gốc hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng.

Trong khóa luận này, em xin trình bày nội dung công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện “Giờ Trái đất – 2014” theo hợp đồng đã ký với công ty Điện lực Thanh Hóa trong tháng 03/2014. Hợp đồng kinh tế được ký ngày 20 tháng 03 năm 2014 và kết thúc vào ngày 23/04/2014.

Giờ Trái đất – 2014 là chương trình thực tế hưởng ứng phong trào tiết kiệm điện trên cả nước do công ty Unicom phối hợp cùng Tổng công ty Điện lực miền Bắc tổ chức tại Thanh Hóa. Chương trình bao gồm các hạng mục thực hiện như: Điều hành bằng xe đạp (Roadshow), biểu diễn văn nghệ, phát bóng đèn tiết kiệm điện, phát vật phẩm tuyên truyền, thuê dàn dựng sân khấu...

Các hạng mục được thực hiện trong chương trình sẽ được tập hợp chi tiết vào từng khoản mục chi phí: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

### **2.2.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên vật liệu mua ngoài khi thực hiện dịch vụ chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong giá thành dịch vụ mà công ty thực hiện. Nguyên vật liệu khi tổ chức chương trình chủ yếu là mua ngoài như: mua bóng đèn thấp sáng, mua dây đeo thẻ, in

túi giấy, phong bì, giấy mời và một số thiết bị phục vụ dàn dựng sân khấu nơi diễn ra sự kiện...

Kế toán Công ty sử dụng TK 154 để theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ tổ chức sự kiện trong kỳ.

Căn cứ vào tính chất của sự kiện thực hiện mà bộ phận phát triển dịch vụ sẽ lên kế hoạch chi tiết các nguyên vật liệu cần thiết phải mua ngoài để tổ chức sự kiện. Căn cứ vào các hóa đơn do người bán chuyển đến, kế toán nhập số liệu và máy vi tính, máy vi tính sẽ tự động ghi sổ chi tiết vụ việc, chi tiết cho từng đối tượng dịch vụ thực hiện, ghi sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 154.

*Biểu số 2.1 Hóa đơn giá trị gia tăng tiền mua nguyên vật liệu*

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Ký hiệu: RL/13P

Ngày 22 tháng 03 năm 2014

Số: 0006152

Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông

Mã số thuế: 01 01 52 69 91

Địa chỉ: 87 - 89 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

Người mua hàng: Công ty TNHH truyền thông Unicom

Địa chỉ: Phòng 416-5T2 Tập thể khí tượng thủy văn, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Mã số thuế: 01 02 98 28 52

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bóng đèn Rạng Đông	Cái	900	52.000	46.800.000
Cộng tiền hàng:					46.800.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			4.680.000
Tổng tiền thanh toán:					51.480.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi một triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng.					

(Nguồn: Phòng Kế toán)



*Biểu số 2.2: Trích sổ chi tiết tài khoản 154 - Phần CP NVL trực tiếp*

*Vụ việc: Giờ Trái đất 2014*

Từ ngày 01/03/2014 đến 30/04/2104

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Chứng từ		Người bán	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
13/03	PKT 194	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công decal chương trình “Giờ Trái đất – 2014”	331	2.376.000	
17/03	PKT 196	Công ty TNHH Quảng cáo Kim Tượng	Giá treo chữ X – Chương trình “Giờ Trái Đất – 2014”	331	1.500.000	
22/03	PKT 198	Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua bóng đèn - Chương trình “Giờ Trái Đất – 2014”	331	46.800.000	
22/03	PKT 199	Công ty TNHH Hà Minh Đức	Mua dây đeo và mặt thẻ	331	1.600.000	
22/03	PKT 200	Công ty In Thăng Long	In túi giấy, phong bì, giấy mời	331	10.840.240	
24/03	PKT 201	Công ty TNHH DHF	Mica biển tên chương trình	331	300.000	
31/03	PKT 210	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công trên giấy decal	331	1.631.300	
31/03	PKT 214	Công ty CP Dân An	In vật phẩm sự kiện	331	64.567.050	
11/04	PKT 217	Phan Kim Sơn	Khinh khí cầu	331	5.000.000	
22/04	PKT 218	Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua thêm bóng đèn	331	2.808.000	

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*



### **2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp**

Trong tổng giá thành tổ chức sự kiện, chi phí nhân công trực tiếp chiếm tỷ trọng tương đối lớn. Việc tiết kiệm chi phí nhân công góp phần tiết kiệm được chi phí thực hiện và hạ giá thành dịch vụ.

Trong dịch vụ tổ chức sự kiện, chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: chi phí nhân công thuê ngoài và nhân công thuộc danh sách của công ty.

- **Hạch toán chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty:** lương và các khoản trích theo lương tại công ty được hạch toán hoàn toàn vào tài khoản 6422 – Chi phí quản lý kinh doanh.

- **Hạch toán chi phí nhân công thuê ngoài tổ chức sự kiện:**

Để tổ chức sự kiện, công ty cần thuê ngoài một lượng lao động bao gồm: thuê chụp ảnh sự kiện, thuê ca sĩ biểu diễn, thuê MC dẫn chương trình, thuê nghệ sĩ biểu diễn vũ đạo...

Kế toán dựa vào hợp đồng lao động ký kết với các nhân công thuê ngoài để hạch toán chi phí phải trả cho nhân công. Do đây là hợp đồng lao động thời vụ, thực hiện chỉ trong thời gian diễn ra sự kiện (dưới 3 tháng) nên chi phí nhân công chính là tiền công phải trả cho nhân công thuê ngoài theo hợp đồng.

*Biểu số 2.3 Trích hợp đồng dịch vụ số 022003 – Thuê ca sỹ biểu diễn sự kiện  
“Giờ Trái đất –2014”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

*Số 022003/2014/HDDV/UNICOMM-MINHQUAN*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự...
- Căn cứ luật thương mại...
- Căn cứ khả năng và nhu cầu hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 03 năm 2014, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

Địa chỉ....

**BÊN B: ÔNG TRỊNH MINH QUÂN**

Địa chỉ:...

Sau khi trao đổi, bàn bạc, xem xét khả năng và nhu cầu, hai bên thống nhất ký Hợp đồng dịch vụ theo các điều khoản sau:

**Điều 1: NỘI DUNG & CHI PHÍ HỢP ĐỒNG**

Bên B nhận biểu diễn trong chương trình “Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất và phát động phong trào tiết kiệm điện năm 2014 của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc” do bên A tổ chức

Địa điểm...

Thời gian...

Nội dung...

Tổng cộng chi phí bên A phải trả cho bên B là: **44.440.000 VNĐ.**

**(Chi phí trên đã bao gồm các loại thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam)**

**Điều 2: TRÁCH NHIỆM MỖI BÊN**

**2.1 Trách nhiệm bên A:**

- Đảm bảo tư cách tổ chức biểu diễn phù hợp với quy định và giấy phép của các cơ quan chức năng quản lý ban hành và cấp phép.

- ....

**2.2 Trách nhiệm bên B**

- Chịu sự điều hành trực tiếp của Đạo diễn chương trình và ekip sản xuất.
- ....

### **Điều 3: HÌNH THỨC THANH TOÁN VÀ TIẾN ĐỘ THANH TOÁN**

3.1 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

3.2 Tiến độ thanh toán: Chia làm 2 đợt

**Đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B số tiền sau khi ký kết hợp đồng là 20.000.000 đồng**

**Đợt 2: Số tiền còn lại là 20.000.000 đồng bên A sẽ thanh toán cho bên B ngay sau khi kết thúc chương trình và giao lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN (liên 2) cho bên B sau khi kết thúc chương trình.**

### **Điều 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

4.1 Đối với bên A:

- Nếu bên A thông báo hủy hợp đồng sẽ phải bồi thường cho bên B như sau:
- .....

4.2 Đối với bên B:

Thỏa thuận chung

Hai bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng....

### **Điều 5: THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

- Hai bên đã xem xét kỹ các điều khoản.
- ...

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

*Biểu số 2.4 Giấy báo Nợ của ngân hàng về thanh toán chi phí nhân công thuê ngoài sự kiện “Giờ Trái đất – 2014”*

Ngân hàng Á Châu	<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	Mã GDV: H T NGOC HA
Chi nhánh: ACB – PGD	Ngày 20 – 03 - 2014	Mã KH: 1011299
Định Công		Số GD: 112
Kính gửi: CONG TY TNHH TT UNICOMM		
Mã số thuế: 0102982852		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số TK ghi Nợ: 146575869		
Số tiền bằng số: 20.000.000		
Số tiền bằng chữ: HAI MUOI TRIEU DONG		
Nội dung: TT LAN 1 HD SO 022003/2014/HDDV/UNICOMM-MINHQUAN		
Giao dịch viên		Kiểm soát

Ngân hàng Á Châu	<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	Mã GDV: H T NGOC HA
Chi nhánh: ACB – PGD	Ngày 28 – 03 - 2014	Mã KH: 1011299
Định Công		Số GD: 120
Kính gửi: CONG TY TNHH TT UNICOMM		
Mã số thuế: 0102982852		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số TK ghi Nợ: 146575869		
Số tiền bằng số: 20.000.000		
Số tiền bằng chữ: HAI MUOI TRIEU DONG		
Nội dung: TT LAN 2 HD SO 022003/2014/HDDV/UNICOMM-MINHQUAN		
Giao dịch viên		Kiểm soát

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

Căn cứ vào hợp đồng, giấy báo Nợ, Bảng phân bổ lương và Bảo hiểm xã hội, kế toán nhập số liệu vào máy vi tính, phần mềm sẽ tự động lên sổ chi tiết vụ việc, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 154:

*Biểu số 2.5 Trích sổ chi tiết TK 154 - Phân chi phí nhân công thuê ngoài*

*Vụ việc Giờ Trái đất 2014*

*Số dư đầu kỳ: 0*

Chứng từ		Người bán	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
28/03	PKT 205	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo HĐ số 011803/2014 biểu diễn CT “ Giờ Trái đất 2014”	334	33.330.000	
28/03	PKT 206	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo hợp đồng 022003/2014 biểu diễn CT “Giờ Trái đất 2014”	334	44.440.000	
28/03	PKT 207	-	Dịch vụ thuê MC nữ dẫn chương trình theo HĐ số 012403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 208	-	Dịch vụ thuê MC nam dẫn chương trình theo HĐ 022403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 209	-	Dịch vụ thuê nghệ sỹ biểu diễn theo hợp đồng 011503/2014	334	27.500.000	

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

### 2.2.3. *Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung*

Chi phí sản xuất chung là những chi phí liên quan đến các hạng mục trong khâu tổ chức sự kiện như: thuê dàn dựng sân khấu, thuê thiết bị âm thanh, ánh sáng...và là các khoản chi phí chưa được phản ánh ở chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công. Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho từng hợp đồng riêng biệt và chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành của dịch vụ thực hiện.

Chi phí sản xuất chung trong hợp đồng tổ chức sự kiện Giờ Trái đất được kế toán tập hợp vào TK 154. Cụ thể, khi nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp, kế toán sẽ dùng các chứng từ này để nhập số liệu vào phần mềm. Tùy vào số tiền cần thanh toán, kế toán sẽ chi bằng tiền mặt hoặc thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng.

Đối với hạng mục dàn dựng sân khấu sự kiện, công ty đã ký hợp đồng với khách hàng PCSI, sau khi thanh toán tiền qua chuyển khoản, công ty nhận được hóa đơn GTGT:

*Biểu số 2.6 Hóa đơn giá trị gia tăng các hạng mục sân khấu*

#### **HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng      *Ký hiệu: PS/11P*

Ngày 31/03/2014      *Số: 0000221*

Công ty Cổ phần tư vấn và tổ chức biểu diễn quốc tế PC-SI

Mã số thuế: 01 01 93 27 14

Địa chỉ: Phòng 1604- nhà OCT1 – ĐN1, khu đô thị Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, HN

Người mua hàng: Công ty TNHH truyền thông Unicom

Địa chỉ: Phòng 416-5T2 Tập thể khí tượng thủy văn, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Mã số thuế: 01 02 98 28 52

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cung cấp các hạng mục theo hợp đồng kinh tế số 2003/Unicomm-PCSI				186.700.000
Cộng tiền hàng:					186.700.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			18.670.000
Tổng tiền thanh toán:					205.370.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm linh năm triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn.					

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

*Biểu số 2.7 Hóa đơn giá trị gia tăng tiền điện*

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: GA/14T

Ngày 10 tháng 04 năm 2014

Số: 0170968

Công ty Điện lực Thanh Hóa

Địa chỉ: 98 Triệu Quốc Đạt, Điện Biên, Thanh Hóa, Thanh Hoá

MST: 01 00 10 04 17 -009

Người mua hàng: Công ty TNHH truyền thông Unicom

Địa chỉ: Phòng 416-5T2 Tập thể khí tượng thủy văn, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Mã số thuế: 01 02 98 28 52

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng tiêu thụ	Đơn giá	Thành tiền	
	8,1	0	60	486	1.590	772.740	
Ngày 10 tháng 04 năm 2014							
			Cộng	486		772.740	
			Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT				77.274
			Tổng cộng tiền thanh toán				850.014
Số tiền viết bằng chữ: Tám trăm năm mươi nghìn không trăm mười bốn đồng.							

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán nhập số liệu vào máy vi tính, phần mềm sẽ tự động ghi sổ chi tiết vụ việc, sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 154.

*Biểu số 2.8 Trích sổ chi tiết TK 154 – Phần chi phí sản xuất chung*

*Vụ việc: Giờ Trái đất – 2014*

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Người bán	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
27/03	PKT 202	-	Tiền phòng công tác	331	3.200.000	
28/03	PKT 203	Công ty TNHH Ảnh Hoàng Gia	Thuê chụp và in ảnh sự kiện Giờ Trái đất 2014	331	5.546.000	
28/03	PKT 204	Công ty TNHH Đại An	Thuê thiết bị Roadshow	331	38.000.000	
31/03	PKT 211	Công ty PCSI	Cung cấp hạng mục dàn dựng sân khấu theo HĐ số 2003	331	186.700.000	
31/03	PKT 212	Công ty TNHH SV	Cung cấp hạng mục âm thanh	331	320.000.000	
31/03	PKT 213	Công ty Bmedia	Dàn dựng tổ chức biểu diễn	331	66.200.000	
31/03	PKT 215	Công ty Điện lực Thanh Hóa	Tiền điện CT Giờ Trái đất 2104	331	772.740	
10/04	PKT 216	Công ty TNHH Tân Đại Thành	Thuê thiết bị quay phim	331	15.300.000	
29/04	PKT 220	Công ty TNHH Yesco	Cước vận chuyển Hà Nội – Thanh Hóa	331	9.400.000	

(Nguồn: Phòng Kế toán)



#### 2.2.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất

Sau khi tập hợp toàn bộ các khoản mục chi phí thực hiện phát sinh trong quá trình tổ chức sự kiện (bao gồm chi phí NVL trực tiếp, chi phí NC trực tiếp, chi phí SXC), kế toán tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất.

Cuối kỳ, toàn bộ chi phí đã được tập hợp trên TK 154 chi tiết cho từng vụ việc được kết chuyển sang TK 632 – Giá vốn hàng bán.

*Biểu số 2.9 Sổ chi tiết tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM

#### SỔ CHI TIẾT VỤ VIỆC

Vụ việc: GIOTRAIDAT2014

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 30/04/2014

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Người bán	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
13/03	PKT 194	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công decal chương trình Giờ Trái đất	331	2.367.000	
17/03	PKT 196	Công ty TNHH quảng cáo và thương mại Kim Tượng	Giá treo chữ X chương trình Giờ Trái đất	331	1.500.000	
22/03	PKT 198	Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua bóng đèn cho chương trình Giờ Trái đất	331	46.800.000	
22/03	PKT 199	Công ty TNHH TM & DV Hà Minh Đức	Mua dây đeo thẻ và mặt thẻ - CT Giờ Trái đất	331	1.600.000	
22/03	PKT 200	Công ty In Thăng Long	In túi giấy, phong bì, giấy mời	331	10.840.240	
24/03	PKT 201	Công ty TNHH DHF	Mica biển tên chương trình	331	300.000	

27/03	PKT 202	-	Tiền phòng công tác	331	3.200.000	
28/03	PKT 203	Công ty TNHH Ảnh Hoàng Gia	Thuê chụp và in ảnh sự kiện Giờ Trái đất 2014	331	5.546.000	
28/03	PKT 204	Công ty TNHH Đại An	Thuê thiết bị Roadshow	331	38.000.000	
28/03	PKT 205	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo HĐ số 011803/2014 biểu diễn CT “ Giờ Trái đất 2014”	334	33.330.000	
28/03	PKT 206	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo hợp đồng 022003/2014 biểu diễn CT “Giờ Trái đất 2014”	334	44.440.000	
28/03	PKT 207	-	Dịch vụ thuê MC nữ dẫn chương trình theo HĐ đồ 012403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 208	-	Dịch vụ thuê MC nam dẫn chương trình theo HĐ 022403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 209	-	Dịch vụ thuê nghệ sỹ biểu diễn theo hợp đồng 011503/2014	334	27.500.000	
31/03	PKT 210	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công trên giấy decal	331	1.631.300	
31/03	PKT 211	Công ty PCSI	Cung cấp hạng mục dàn dựng sân khấu theo HĐ số 2003	331	186.700.000	
31/03	PKT 212	Công ty TNHH SV	Cung cấp hạng mục âm thanh	331	320.000.000	
31/03	PKT 213	Công ty Bmedia	Dàn dựng tổ chức biểu diễn	331	66.200.000	

31/03	PKT 214	Công ty CP Dân An	In vật phẩm sự kiện	331	64.567.050	
31/03	PKT 215	Công ty Điện lực Thanh Hóa	Tiền điện CT Giờ Trái đất 2104	331	772.740	
10/04	PKT 216	Công ty TNHH Tân Đại Thành	Thuê thiết bị quay phim	331	15.300.000	
11/04	PKT 217	Phan Kim Sơn	Khinh khí cầu	331	5.000.000	
22/04	PKT 218	Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua thêm bóng đèn	331	2.808.000	
29/04	PKT 220	Công ty TNHH Yesco	Cước vận chuyển Hà Nội – Thanh Hóa	331	9.400.000	
29/04	PKT 305	-	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn HĐ tổ chức SK “Giờ Trái đất”	6321		897.811.330

Tổng phát sinh nợ: 897.811.330

Tổng phát sinh có: 897.811.330

Số dư cuối kỳ: 0

(Nguồn: Phòng kế toán)

*Biểu số 2.10 Trích sổ cái tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*  
**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản 154 – chi phí SXKD dở dang

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 30/04/2014

Số dư đầu kỳ: 124.831.818

Chứng từ		Khách hàng	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
28/03	PKT 204	Công ty TNHH sự kiện & truyền thông Đại An	Thuê thiết bị roadshow, chương trình Giờ Trái đất	331	38.000.000	
29/04	PKT 220	Công ty TNHH Yesco	Cước vận chuyển Hà Nội – Thanh Hóa	331	9.400.000	
29/04	PKT 305	-	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn HĐ tổ chức SK “Giờ Trái đất”	6321		897.811.330
...	....	....	....	....	....	...

Tổng phát sinh nợ: 3.385.776.475

Tổng phát sinh có: 2.653.579.512

Số dư cuối kỳ: 857.028.781

*(Nguồn: Phòng kế toán)*

*Biểu số 2.11 Sổ chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán*

*Chi tiết theo vụ việc : Giờ Trái đất 2014*

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**SỔ CHI TIẾT VỤ VIỆC**

Vụ việc: GIOTRAIDAT2014

Tài khoản 6321 – Giá vốn hàng bán: hàng hóa

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 30/04/2014

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
29/04	PKT 305	-	Kết chuyển CP SXKD dở dang sang giá vốn hợp đồng tổ chức sự kiện Giờ Trái đất 2014	154	897.811.330	

Tổng phát sinh nợ: 897.811.330

Tổng phát sinh có: 0

Số dư nợ cuối kỳ: 897.811.330

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

*Biểu số 2.12 Sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán*

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: hàng hóa

Từ ngày 01/02/2014 đến ngày 30/04/2014

Số dư đầu kỳ: 1.829.315.546

Chứng từ		Khách hàng	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
28/02	PKT 184	Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền hình	Giá trị quảng cáo hợp đồng số 667-2013, CT “Sự kiện và bình luận”	3311	46.527.273	
23/04	PKT 305	-	Kết chuyển CP SXKD DD sang giá vốn HĐ tổ chức sự kiện “Giờ Trái đất”	154	897.811.330	
...	...	...	....	...	...	....

Tổng phát sinh nợ: 3.169.344.967

Tổng phát sinh có: 0

Số dư cuối kỳ: 4.998.660.513

(Nguồn: Phòng kế toán)

*Biểu số 2.13 Trích Sổ Nhật ký chung*

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 01/05/2014

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
13/03	PKT 194	Công ty TNHH Phong Cách Việt In và gia công decal chương trình Giờ Trái đất			
		- Phải trả người bán	331		2.613.600
		- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	13311	237.600	
		- Chi phí SXKD dở dang	154	2.376.000	
Tổng cộng				2.613.600	2.613.600
17/03	PKT 196	Công ty TNHH quảng cáo và thương mại Kim Tượng - Giá treo chữ X chương trình Giờ Trái đất			
		- Phải trả cho người bán	331		1.650.000
		- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	13311	150.000	
		- Chi phí SXKD dở dang	154	1.500.000	
Tổng cộng				1.650.000	1.650.000
...	...	...	...	...	....

28/03	PKT 205	Dịch vụ thuê ca sỹ theo HĐ số 011803/2014 biểu diễn CT “ Giò Trái đất 2014”			
		- <i>Chi phí SXKD dở dang</i>	154	33.330.000	
		- <i>Lương phải trả người lao động</i>	334		33.330.000
Tổng cộng				33.330.000	33.330.000
...	...	....	...	...	....
31/03	PKT211	Công ty PCSI - Cung cấp hạng mục dân dựng sân khấu theo HĐ số 2003			
		- <i>Phải trả cho người bán</i>	331		205.370.000
		- <i>Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ</i>	13311	18.670.000	
		- <i>Chi phí SXKD dở dang</i>	154	186.700.000	
Tổng cộng				205.370.000	205.370.000
...	...	...	...	...	...

Tổng cộng

20.257.356.683 20.257.356.683

(Nguồn: Phòng Kế toán)



### 2.3. Kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicom

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm, dịch vụ chưa kết thúc giai đoạn thực hiện còn đang nằm trong quá trình sản xuất.

Trong thực tế hoạt động, công ty Unicom có quy trình thực hiện dịch vụ giản đơn, tổ chức sự kiện theo đơn đặt hàng nên SPDD là toàn bộ chi phí phát sinh từ khi bắt đầu thực hiện dịch vụ tính đến thời điểm báo cáo.

### 2.4. Thực trạng công tác tính giá thành dịch vụ tại công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicom

Giá thành thực hiện dịch vụ là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, nó phản ánh toàn bộ chất lượng công tác của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, kinh doanh và quản lý tài chính. Bởi vậy, việc tính giá thành đòi hỏi sự chính xác và hợp lý sao cho giá thành sản phẩm thực sự là một yếu tố để đánh giá tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp.

Vì chi phí đã được tập hợp cho từng đơn đặt hàng (chi phí NVL trực tiếp, chi phí NC trực tiếp, chi phí sản xuất chung), nên kế toán lập thẻ tính giá thành dịch vụ thực hiện:

*Biểu số 2.14 Thẻ tính giá thành sự kiện “Giờ Trái đất”*

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM

#### THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tháng 04/2104

Tên dịch vụ: Sự kiện “Giờ Trái đất – 2104”

Số lượng: 01

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		Chi phí NVL trực tiếp	Chi phí NC trực tiếp	Chi phí SXC
CPSX dở dang đầu kỳ	0	0	0	0
CPSX phát sinh trong kỳ	897.811.330	137.422.590	115.270.000	645.118.740
Giá thành dịch vụ trong kỳ	897.811.330	137.422.590	115.270.000	645.118.740
CPSX dở dang cuối kỳ	0	0	0	0

*(Nguồn: Phòng Kế toán)*

### **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ Ý KIẾN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ TỔ CHỨC SỰ KIỆN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

#### **3.1. Ưu điểm và nhược điểm của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicommm**

##### **3.1.1. Ưu điểm**

Đối với công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm, kế toán đã tập hợp được chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ theo đơn đặt hàng, phù hợp ngành nghề kinh doanh của công ty. Như vậy, công tác hạch toán chi phí sản xuất đã đáp ứng được nhu cầu quản lý sản xuất và cung cấp số liệu cho kế toán tính giá thành, số liệu kế toán được cung cấp kịp thời giúp cho lãnh đạo có thể đề ra những biện pháp thích hợp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành dịch vụ, mang lại lợi ích cho công ty.

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất, đặc điểm và tính chất của dịch vụ thực hiện, kết hợp với vận dụng lý luận và thực tiễn, kế toán đơn vị đã xác định được đối tượng tính giá thành dịch vụ là những dịch vụ được hoàn thành và nghiệm thu như trong hợp đồng đã ký kết với khách hàng.

Tại Công ty TNHH truyền thông Unicommm, kế toán sử dụng việc tập hợp trực tiếp chi phí nguyên vật liệu và chi phí sản xuất chung cho từng đơn đặt hàng, giúp quá trình theo dõi việc mua, sử dụng nguyên vật liệu được cụ thể, tránh tình trạng nhầm lẫn, sai sót, góp phần tiết kiệm chi phí.

##### **3.1.2. Những hạn chế cần khắc phục**

Bên cạnh những ưu điểm, quy trình kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành của Công ty còn một số điểm chưa hợp lý.

Về chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty trực tiếp thực hiện vụ việc, kế toán hạch toán lương và các khoản trích theo lương của nhân công trực tiếp vào tài khoản 6422 – chi phí quản lý kinh doanh. Việc hạch toán này làm ảnh hưởng đến độ chính xác của việc tính giá thành từng dịch vụ thực hiện. Bởi vậy, để phản ánh chính xác hơn phần chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty thì kế toán nên tập hợp chi phí này theo từng vụ việc mà công nhân trực tiếp tham gia.

### **3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tại Công ty TNHH truyền thông Unicom**

#### **3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ**

Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ là phần hết sức quan trọng và không kém phần phức tạp. Để đảm bảo việc vận dụng đúng chế độ kế toán, Công ty cần phải thực hiện những yêu cầu sau:

- **Yêu cầu phù hợp:** Việc hoàn thiện phải căn cứ vào chế độ kế toán do nhà nước ban hành, phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh doanh ở Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Trong kế toán quốc tế, yêu cầu phù hợp đã trở thành nguyên tắc rất được coi trọng. Do vậy, khi hoàn thiện công tác kế toán cần phải đặt yêu cầu này lên hàng đầu.

- **Yêu cầu thống nhất:** Yêu cầu này đặt ra nhằm đảm bảo sự thống nhất quản lý, đảm bảo sự tuân thủ những chính sách, chế độ, thể lý tài chính kế toán do nhà nước ban hành, phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo thống nhất chứng từ, tài khoản kế toán và sổ sách báo cáo kế toán. Đây là một yêu cầu cơ bản nhằm tạo ra sự thống nhất về chế độ kế toán trong nền kinh tế quốc dân.

- **Yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả:** Bất kỳ một công ty, doanh nghiệp nào bỏ vốn ra để kinh doanh đều mong muốn đồng vốn của mình được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả. Mục đích cuối cùng của hoạt động kinh doanh là lợi nhuận cao nhất và chi phí thấp nhất, mà việc hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ không nằm ngoài mục đích đó. Một mặt hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ giúp kế toán giảm nhẹ công tác tổ chức, xử lý chứng từ mà vẫn đảm bảo độ chính xác cao của thông tin kế toán, mặt khác nhằm nâng cao nhiệm vụ của công tác kế toán trong việc giám sát, quản lý việc sử dụng vốn, tài sản của Công ty.

#### **3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ**

Như đã trình bày ở trên, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ đóng vai trò quan trọng, có những ảnh hưởng mang tính quyết định tới khả năng cạnh tranh, sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong nền kinh tế cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán là một việc cần thiết và được ưu tiên hàng đầu đối với các doanh nghiệp. Nói chung, tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ phải đảm bảo được các nguyên tắc sau đây:

#### *3.2.2.1. Hoàn thiện phải tuân theo quy định của pháp luật*

Việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại doanh nghiệp trước hết phải tuân theo các chính sách, chế độ, chuẩn mực kế toán hiện hành. Điều này không những đảm bảo cho công tác kế toán của doanh nghiệp mang tính hợp pháp mà còn đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện một cách đúng đắn và thống nhất giữa các doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý vĩ mô.

#### *3.2.2.2. Hoàn thiện theo nguyên tắc nhất quán*

Doanh nghiệp phải đảm bảo sự thống nhất về sổ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán. Trong toàn doanh nghiệp, phải sử dụng một loại mã tài khoản duy nhất, một mặt đảm bảo sự chính xác của công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, một mặt giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp theo dõi được sự biến động của hoạt động sản xuất kinh doanh một cách logic và xuyên suốt.

#### *3.2.2.3. Hoàn thiện phải tuân theo nguyên tắc phù hợp*

- Phù hợp với lĩnh vực kinh doanh: mỗi doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau thì có những đặc thù khác nhau. Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành dịch vụ nói riêng phải phù hợp với lĩnh vực mà doanh nghiệp đó hoạt động.

- Phù hợp với trình độ của bộ máy kế toán: tùy thuộc vào trình độ phát triển của công tác kế toán mà yêu cầu đối với việc hoàn thiện cũng rất khác nhau. Hoàn thiện công tác kế toán là công việc hết sức quan trọng và phức tạp nên đòi hỏi nhân viên kế toán phải có trình độ nghiệp vụ cao, có kiến thức sâu rộng và luôn cập nhật các chính sách kinh tế, chế độ kế toán tài chính hiện hành...

- Phù hợp với quy mô hoạt động: chế độ kế toán phải phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng phải tính đến khả năng hạch toán của doanh nghiệp, sự phù hợp cũng như sự thay đổi về nhân sự của doanh nghiệp.

- Phù hợp về việc ghi nhận doanh thu, chi phí: hoàn thiện công tác kế toán phải dựa trên nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, tức là ghi nhận doanh thu cũng với chi phí tương ứng. Chi phí tương ứng là chi phí của kỳ tạo ra doanh thu, chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng có liên quan đến doanh thu trong kỳ hạch toán.

#### 3.2.2.4. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp

Việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đáp ứng được yêu cầu về quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực, ngành nghề, mục tiêu kinh doanh khác nhau mà có các biện pháp quản lý khác nhau.

Các doanh nghiệp hoạt động nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận. Trong môi trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhất là đối với doanh nghiệp dịch vụ thì giá thành dịch vụ được coi là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Giá thành có mối quan hệ nghịch chiều với lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nếu giá thành sản phẩm của doanh nghiệp càng cao thì lợi nhuận càng giảm và khả năng cạnh tranh cũng giảm sút.

#### 3.2.2.5. Một số nguyên tắc khác

Việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành đảm bảo nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận khi có bằng chứng xác thực về khả năng phát sinh chi phí đó.

Ngoài ra, tổ chức công tác kế toán phải đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Các biện pháp đưa ra có tính thực tiễn cao, phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

### 3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn truyền thông Unicomm

#### 3.3.1. Kiến nghị về tập hợp chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty cho từng vụ việc cụ thể

Để giá thành của dịch vụ được chính xác hơn, kế toán cần tập hợp chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty trực tiếp thực hiện vụ việc vào tài khoản 154 chi tiết cho từng vụ việc.

Cụ thể, chi phí nhân công thuộc danh sách của công ty thực hiện vụ việc Giờ Trái Đất sẽ được tập hợp theo số ngày công lao động mà nhân viên đó tham gia trong vụ việc này, bao gồm nhân công thuộc phòng Sáng tạo và phòng Phát triển dịch vụ.

Thông thường, cách tính lương của kế toán công ty như sau:

$$\text{Lương tháng} = \frac{\text{Lương} + \text{Phụ cấp}}{26} \times \text{Ngày công thực tế làm việc}$$

Như vậy, để xác định chi phí nhân công trực tiếp của một ngày công trong tháng 03 (bao gồm lương và các khoản trích theo lương) của nhân viên phòng Sáng tạo và phòng Phát triển dịch vụ, kế toán xác định:

$$\text{Chi phí nhân công trực tiếp theo ngày} = \frac{\text{Lương và các khoản phụ cấp tháng 03/2014} + \text{Các khoản trích theo lương tháng 03/2014}}{26 \text{ ngày công}}$$

Vậy chi phí nhân công trực tiếp tập hợp cho vụ việc Giờ Trái Đất được xác định:

$$\text{Chi phí nhân công trực tiếp vụ việc Giờ Trái Đất} = \text{Chi phí nhân công trực tiếp theo ngày} \times \text{Số ngày công thực hiện vụ việc}$$

Dựa vào bảng thanh toán lương nhân công tháng 03/2014,

Chi phí nhân công trực tiếp của phòng Sáng tạo: 30.663.740 (VNĐ)

Chi phí nhân công trực tiếp của phòng Phát triển dịch vụ: 35.522.900 (VNĐ)

$$\begin{aligned} \text{Chi phí nhân công trực tiếp theo ngày} &= \frac{30.663.740 + 35.522.900}{26 \text{ ngày công}} \\ &= 2.545.640 \text{ (VNĐ)} \end{aligned}$$

Vụ việc giờ Trái đất được thực hiện trong vòng 5 ngày

$$\begin{aligned} \Rightarrow \text{Chi phí nhân công trực tiếp của vụ việc Giờ Trái Đất} \\ &= 2.545.640 \times 5 \text{ (ngày)} \\ &= 12.728.200 \text{ (VNĐ)} \end{aligned}$$

Bao gồm:

- Lương và các khoản phụ cấp: 11.560.000 (VNĐ)
- Các khoản trích theo lương doanh nghiệp chịu: 1.168.200 (VNĐ)

*Biểu số 3.1 Bảng thanh toán lương tháng 03/2014*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG NHÂN CÔNG TRỰC TIẾP – THÁNG 03/2014**

*Đơn vị tính: VNĐ*

TT	Họ và tên	Phòng	Lương cơ bản	Phụ cấp KD	Phụ cấp ăn ca	Các khoản trừ vào lương			Thực nhận
						BHXH(8%)	BHYT(1,5%)	BHTN(1%)	
1	Võ Thanh Tùng	DV	5.000.000	4.000.000	625.000	400.000	75.000	50.000	9.100.000
2	Lê Hoàng Anh	DV	2.889.000	3.000.000	650.000	231.120	43.335	28.890	6.235.655
3	Lê Tuấn Hiếu	DV	2.889.000	3.000.000	650.000	231.120	43.335	28.890	6.235.655
4	Lê Nam Giang	ST	4.500.000	3.600.000	650.000	360.000	67.500	45.000	8.277.500
5	Lê Quang Minh	ST	2.889.000	3.400.000	650.000	231.120	43.335	28.890	6.235.655
6	Nguyễn T. Hải	ST	2.889.000	3.000.000	650.000	231.120	43.335	28.890	6.235.655
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng		86.225.000	77.900.000	18.050.000	6.898.000	1.293.375	862.250	176.972.587

Biểu số 3.2 Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI – THÁNG 03/2014**

Đơn vị tính: VNĐ

S T T	Ghi có TK   <
-------------	--



**Biểu số 3.3 Sổ chi tiết TK 154 – Chi phí nhân công trực tiếp**

**Vụ việc Giờ Trái Đất**

Chứng từ		Người bán	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT	-	Chi phí lương nhân công trực tiếp tháng 03/2014	334	11.560.000	
31/03	PKT	-	Trích bảo hiểm phải nộp tháng 03/2014	334	1.168.200	

**Biểu số 3.4 Sổ chi tiết TK 154 – Tổng hợp chi phí SXKD vụ việc Giờ Trái Đất**

**SỔ CHI TIẾT VỤ VIỆC**

Vụ việc: GIOTRAIDAT2014

Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 30/04/2104

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Người bán	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
13/03	PKT 194	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công decal chương trình Giờ Trái đất	331	2.367.000	
17/03	PKT 196	Công ty TNHH quảng cáo và thương mại Kim Tượng	Giá treo chữ X chương trình Giờ Trái đất	331	1.500.000	
22/03	PKT 198	Công ty cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua bóng đèn cho chương trình Giờ Trái Đất	331	46.800.000	
22/03	PKT 199	Công ty TNHH TM & DV Hà Minh Đức	Mua dây đeo thẻ và mặt thẻ - CT Giờ Trái đất	331	1.600.000	
22/03	PKT 200	Công ty In Thăng Long	In túi giấy, phong bì, giấy mời	331	10.840.240	

24/03	PKT 201	Công ty TNHH DHF	Mica biển tên chương trình	331	300.000	
27/03	PKT 202	-	Tiền phòng công tác	331	3.200.000	
28/03	PKT 203	Công ty TNHH Ảnh Hoàng Gia	Thuê chụp và in ảnh sự kiện Giờ Trái đất 2014	331	5.546.000	
28/03	PKT 204	Công ty TNHH Đại An	Thuê thiết bị Roadshow	331	38.000.000	
28/03	PKT 205	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo HĐ số 011803/2014 biểu diễn CT “ Giờ Trái đất 2014”	334	33.330.000	
28/03	PKT 206	-	Dịch vụ thuê ca sỹ theo hợp đồng 022003/2014 biểu diễn CT “Giờ Trái đất 2014”	334	44.440.000	
28/03	PKT 207	-	Dịch vụ thuê MC nữ dẫn chương trình theo HĐ đồ 012403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 208	-	Dịch vụ thuê MC nam dẫn chương trình theo HĐ 022403/2014	334	5.000.000	
28/03	PKT 209	-	Dịch vụ thuê nghệ sỹ biểu diễn theo hợp đồng 011503/2014	334	27.500.000	
31/03	PKT 210	Công ty TNHH Phong Cách Việt	In và gia công trên giấy decal	331	1.631.300	
31/03	PKT 211	Công ty PCSI	Cung cấp hạng mục dàn dựng sân khấu theo HĐ số 2003	331	186.700.000	
31/03	PKT 212	Công ty TNHH SV	Cung cấp hạng mục âm thanh	331	320.000.000	

31/03	PKT 213	Công ty Bmedia	Dàn dựng tổ chức biểu diễn	331	66.200.000	
31/03	PKT 214	Công ty CP Dân An	In vật phẩm sự kiện	331	64.567.050	
31/03	PKT 215	Công ty Điện lực Thanh Hóa	Tiền điện CT Giờ Trái đất 2104	331	772.740	
10/04	PKT 216	Công ty TNHH Tân Đại Thành	Thuê thiết bị quay phim	331	15.300.000	
11/04	PKT 217	Phan Kim Sơn	Khinh khí cầu	331	5.000.000	
22/04	PKT 218	Công ty CP Bóng đèn phích nước Rạng Đông	Mua thêm bóng đèn	331	2.808.000	
29/04	PKT 220	Công ty TNHH Yesco	Cước vận chuyển Hà Nội – Thanh Hóa	331	9.400.000	
31/03	PKT	-	Chi phí lương nhân công trực tiếp tháng 03/2014	334	11.560.000	
31/03	PKT	-	Trích bảo hiểm phải nộp tháng 03/2014	334	1.168.200	
31/04	PKT 305	-	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn HĐ tổ chức SK “Giờ Trái đất”	6321		910.539.530

Tổng phát sinh nợ: 910.539.530

Tổng phát sinh có: 910.539.530

Số dư cuối kỳ: 0

*Biểu số 3.5 Trích sổ cái TK 154 – Chi phí SXKDDD vụ việc Giờ Trái Đất*

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**

Tài khoản 154 – chi phí SXKD dở dang

Từ ngày 01/03/2014 đến ngày 30/04/2014

Số dư đầu kỳ: 124.831.818

Chứng từ		Khách hàng	Mô tả	TK đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
28/03	PKT 204	Công ty TNHH sự kiện & truyền thông Đại An	Thuê thiết bị roadshow, chương trình Giờ Trái đất	331	38.000.000	
31/03	PKT	-	Chi phí lương nhân công trực tiếp tháng 03/2014	334	11.560.000	
31/03	PKT	-	Trích bảo hiểm phải nộp tháng 03/2014	334	1.168.200	
31/04	PKT 305	-	Kết chuyển chi phí SXKD dở dang sang giá vốn HĐ tổ chức SK “Giờ Trái đất”	6321		910.539.530
....	....	....	....	....	.....	.....

Tổng phát sinh nợ: 3.385.776.475

Tổng phát sinh có: 2.653.579.512

Số dư cuối kỳ: 857.028.781

(Nguồn: Phòng kế toán)

*Biểu số 3.6 Thẻ tính giá thành vụ việc Giờ Trái Đất*

**CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG UNICOMM**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Tháng 04/2104

Tên dịch vụ: Sự kiện “Giờ Trái đất – 2104”

Số lượng: 01

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Tổng số tiền	Chia ra theo khoản mục		
		Chi phí NVL trực tiếp	Chi phí NC trực tiếp	Chi phí SXC
CPSX dở dang đầu kỳ	0	0	0	0
CPSX phát sinh trong kỳ	910.539.530	137.422.590	127.998.200	645.118.740
Giá thành dịch vụ trong kỳ	910.539.530	137.422.590	127.998.200	645.118.740
CPSX dở dang cuối kỳ	0	0	0	0

## KẾT LUẬN

Công tác hạch toán kế toán là một bộ phận quan trọng trong mọi tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như trong tổ chức hành chính sự nghiệp. Nó phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp cũng như hiệu quả sử dụng nguồn vốn. Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành có vị trí vô cùng quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Nó phản ánh và kiểm soát tình hình thực hiện các định mức hao phí lao động sống và lao động vật hóa, vì thế hạch toán chính xác, kịp thời, đầy đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm giúp cho việc lãnh đạo và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trở nên hiệu quả.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH truyền thông Unicom, em đã có điều kiện củng cố thêm kiến thức học tập ở trường và được tìm hiểu về thực tế công tác kế toán của công ty.

Trên đây là toàn bộ bài khóa luận của em với đề tài “**Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ tổ chức sự kiện tại Công ty TNHH truyền thông Unicom**”. Để có được kết quả này là nhờ sự chỉ bảo, giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn Th.S Đào Diệu Hằng cùng sự giúp đỡ của các anh chị phòng Kế toán của Công ty. Em đã có điều kiện tìm hiểu kỹ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác kế toán của công ty, từ đó thấy được ưu điểm và nhược điểm cũng như mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành dịch vụ.

Mặc dù đã cố gắng, song do còn thiếu kinh nghiệm thực tế, thời gian thực tập có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót nhất định. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cô giáo, Th.S Đào Diệu Hằng, người đã chỉ bảo và giúp đỡ em trong quá trình thực hiện bài khóa luận này. Và em cũng xin cảm ơn các thầy, cô trong Bộ môn Kinh tế trường Đại học Thăng Long cùng các anh chị phòng Kế toán tại Công ty TNHH truyền thông Unicom đã tạo mọi điều kiện, hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2014*

Sinh viên

Nguyễn Thanh Huyền

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Thạc sĩ Đào Diệu Hằng – Bài giảng kế toán tài chính trong doanh nghiệp – Đại học Thăng Long.
2. Tiến sĩ Đặng Thị Loan – Giáo trình kế toán tài chính trong doanh nghiệp – Nhà xuất bản Thống kê.
3. Một số luận văn khác.